

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HS-ST
Ngày: 20 - 12 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA AN, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lục Thị Út.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bế Nhật Độ.
2. Ông Hà Long Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàng Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An tham gia phiên tòa:
Ông Lý Hoàng Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 47/2021/HSST ngày 16 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vương Văn D**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1996 tại Bảo L, Cao Bằng; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm Nặm R, xã Nam Q, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Văn L, sinh năm 1970 và bà Lý Thị X, sinh năm 1969; Vợ: Trương Thị M, sinh năm 1995, có 01 (một con) sinh năm 2016.

Có 01 tiền án: Ngày 14/8/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng xử phạt 32 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 12/2017/HSST).

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 13/8/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 16/2015/HSST nên có nhân thân xấu.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/8/2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vương Văn D:* Bà Lý Thị Nhung, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nông Thị T, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Xóm Bản Ch, xã Dân Ch, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Chị Hoàng Thị S, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Xóm Lũng Tr, xã Vĩnh Ph, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Bà Dương Kim S, sinh năm 1970.

Nơi công tác: Trường DTNT huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 8 năm 2021, Vương Văn D và Hoàng Thị S đến xã Dân Ch, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng để tìm cây Cút Mây mang về bán. Ngày 05/8/2021 D và S mang cây Cút Mây xuống chợ Mỏ S, xã Dân Ch bán thì gặp bà Nông Thị T, trú tại Xóm Bản Ch, xã Dân Ch, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng và được bà T thuê đến xúc đất, phát cỏ đồi Keo của gia đình với giá 200.000 đồng/ngày/người. Khoảng 18 giờ cùng ngày, D và S đến nhà bà T và được bà T cho mượn bạt để dựng lán làm chỗ ngủ ở trên đồi Keo phía sau nhà. Ngày 06/8/2021, khi đang làm việc D nhìn thấy chiếc xe mô tô Angel màu sơn tím, không gắn biển số của bà T dựng ở cạnh chuồng trâu. Nảy sinh ý định lấy trộm nên làm đến khoảng 11 giờ ngày 07/8/2021 khi nghe S nói không làm nữa, D bảo S đi bộ trước xuống đoạn đường bê tông gần Ủy ban nhân dân xã Dân Ch đứng đợi. Sau khi S đi, D vào lấy trộm chiếc xe của bà T rồi điều khiển xe xuống chỗ S đợi. Khi đi qua gần nhà bà T thì gặp bà Lương Thị M là mẹ chồng của bà T, D nói dối bà M là lấy xe máy đi mua thuốc đau đầu cho vợ và bà M cũng nghĩ D đã xin phép bà T nên không nói gì. D tiếp tục điều khiển xe ra đường đón S cùng đi về xóm Lũng Tr, xã Vĩnh Ph, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng và nói với S là xe mô tô do D mua được. Đến khoảng 09 giờ ngày 12/8/2021, D đi xe ra chợ thị trấn Pác M, Bảo L thì bị Cảnh sát giao thông Công an huyện Bảo L kiểm tra hành chính và bị tạm giữ xe do không có Giấy đăng ký, không có biển số.

Tại Kết luận định giá tài sản số 32/KL-ĐGTS, ngày 16/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện Hòa An kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angel, màu sơn tím, biển kiểm soát 11F4-7400 đã qua sử dụng trị giá 830.000,đ (*Tám trăm ba mươi nghìn đồng*). Sau khi định giá,

chiếc xe đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Nông Thị T theo quy định của pháp luật.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa và đã nhận lại chiếc xe mô tô bị mất trộm. Tại đơn xin nhận lại xe ngày 26/10/2021, bị hại chỉ yêu cầu nhận lại xe, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Trong quá trình điều tra, người làm chứng Hoàng Thị S khai: Chị S chung sống với Vương Văn D từ đầu năm 2020, khoảng tháng 8/2021 chị S và D đi xe khách ra huyện Hòa A thăm họ hàng và làm thuê ở Hòa A được 04 ngày, rồi rủ nhau về nhà. Sáng sớm ngủ dậy S không nhớ ngày, D bảo S đi bộ trước đến đoạn cầu trên đường về nhà thì ngồi chờ D, S đợi D ở đầu cầu khoảng 01 giờ thì D đi xe máy màu tím, đèn không sáng, không có gương, yếm bị vỡ, yên xe bị rách đến. S hỏi D là “Đi xe máy của ai đấy”, D nói là “Xe D mua với giá 1.000.000 đồng” và D bảo S lên xe đi về nhà, sau đó hai ngày, D đi xe lên chợ thị trấn Pác M thì bị Công an huyện Bảo Lâm bắt giữ.

Bản cáo trạng số: 47/CT-VKSHA ngày 15/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An đã truy tố bị cáo Vương Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vương Văn D từ 12 đến 18 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Bị hại đã nhận lại chiếc xe bị mất trộm, không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Vương Văn D phát biểu ý kiến tranh luận: Nhất trí với tội danh, tình tiết giảm nhẹ Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Về mức hình phạt, do bị cáo là người dân tộc Mông, không biết chữ, sinh sống tại vùng kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, dẫn đến việc vi phạm pháp luật. Hơn nữa, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp do bị hại để xe ở nơi không có người trông coi, quản lý và cấm chìa sẵn trong ổ khóa nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ Luật Hình sự. Ngoài ra, giá trị tài sản bị cáo trộm cắp chỉ là 830.000 đồng, bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Từ những lý do trên đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo thấp hơn mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Bị cáo D không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh cũng như hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát đối đáp với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Hành vi bị cáo thực hiện có mức hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Mặc dù giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 830.000 đồng, nhưng bị cáo chưa được xóa án tích nên tội phạm đã cấu thành theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, Viện Kiểm sát đã xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dân tộc Mông, không biết chữ, sinh sống tại vùng kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn nhưng trước lần phạm tội này bị cáo đã bị kết án hai lần đều về tội “Trộm cắp tài sản” nên không thể coi là trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, dẫn đến việc vi phạm pháp luật nên không có căn cứ để áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ và tính chất mức độ hành vi phạm tội, mức án Viện Kiểm sát đề nghị từ 12 đến 18 tháng là phù hợp đối với bị cáo. Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên mức án đã đề nghị đối với bị cáo.

Khi được nói lời nói sau cùng bị cáo im lặng, không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Những chứng cứ, tài liệu do cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập, người tham gia tố tụng cung cấp; hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Hòa An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về chứng cứ, tài liệu, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các chứng cứ, tài liệu, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thu thập và thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai của bị hại, người làm chứng. Việc vắng mặt của bị hại, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người làm chứng.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua đó xác định được: Khoảng 11 giờ ngày 07/8/2021, tại xóm Bản Ch, xã Dân Ch, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu Vương Văn D đã lấy trộm chiếc xe mô tô Angel, Biển kiểm soát 11F4-7400 của bà Nông Thị T mang về nhà ở Vĩnh Ph, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng. Theo Kết luận của Hội đồng định giá trong tổ tụng Hình sự huyện Hòa An chiếc xe bị cáo trộm cắp có trị giá là 830.000 đồng (*Tám trăm ba mươi nghìn đồng*).

Hành vi của bị cáo Vương Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Bản cáo trạng số 47/CT-VKSHA ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, nhưng đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trên địa bàn huyện Hòa An. Bị cáo đang trong độ tuổi lao động, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Trước lần phạm tội này, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng xử phạt 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng ngày 13/8/2015 và 32 (ba mươi hai) tháng tù ngày 14/8/2017 đều về tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, trở về địa phương, bị cáo không ăn năn hối cải, tu chí làm ăn lương thiện, sửa chữa sai lầm, để đáp ứng nhu cầu cá nhân bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, cần xử lý bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo:

[4.1] Nhân thân: Bị cáo đã bị xử phạt 02 (hai) lần về tội “trộm cắp tài sản” nên có nhân thân xấu.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4.3] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[5] Về hình phạt: Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có nhân thân xấu, được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng. Do đó, để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo, cũng như phòng ngừa tội phạm tại địa phương. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự do bị cáo là người dân tộc Mông, không biết chữ, sinh sống tại vùng kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, dẫn đến việc vi phạm pháp luật là không phù hợp do trước lần phạm tội này bị cáo đã bị kết án hai lần đều về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngoài ra, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp do bị hại để xe ở nơi không có người trông coi, quản lý, cấm chìa sẵn trong ổ khóa và tài sản trộm cắp đã được trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường không phải là căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên HĐXX không chấp nhận.

Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát và người bào chữa là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên HĐXX không xem xét.

[7] Về việc xử lý vật chứng:

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu mô tô Angel, biển kiểm soát 11F4-7400 đã được cơ quan Điều tra trả lại cho bà Nông Thị T theo đúng quy định của pháp luật nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Vương Văn D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Xử phạt bị cáo Vương Văn D 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/8/2021.

Áp dụng Điều 329 Bộ Luật Tố tụng Hình sự, Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để bảo đảm thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Buộc bị cáo Vương Văn D phải chịu 200.000,đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện Hòa An;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Công an huyện Hòa An;
- Chi cục THADS huyện Hòa An;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Lục Thị Út

